



# LOÉT APHTHE (CASE REPORT)

**BS. NÉANG SI PHÁTS**  
**PK PHỤ KHOA - MEDIC**



# I. BỆNH ÁN

## 1. Hành chính:

- Họ tên: Đ. T. H , sinh 1993, para: 1001.
- Địa chỉ: Lâm Hà, Lâm Đồng.
- Nghề nghiệp: buôn bán.

**2. Lý do:** loét miệng và cơ quan sinh dục.



# I. BỆNH ÁN

## 3. Bệnh sử:

- Bệnh khởi phát 4 năm, sau khi hậu sản khoảng 4 tháng bệnh nhân thường xuyên xuất hiện nhiều vết loét vùng miệng, môi, lưỡi, cơ quan sinh dục, kèm đau và sốt nhẹ. Bệnh nhân cũng hay thường xuyên mất ngủ, luôn nghe tiếng ai đó nói bên tai và hay nằm mơ có người muốn giết mình. Bệnh nhân đã đi khám nhiều nơi nhưng bệnh không khỏi-> khám medic.



# I. BỆNH ÁN

## 4. Tiền căn:

*a. Gia đình:* chưa phát hiện bệnh lý.

*b. Bản thân:*

- Nội, ngoại khoa chưa phát hiện bất thường.
- Sản phụ khoa: kinh nguyệt đều, chu kỳ 30 ngày, hành kinh lượng vừa, không đau bụng kinh. Sinh thường 1 con năm 2013, giữa thai bằng vòng T.



# I. BỆNH ÁN

## 5. Khám bệnh:

### *a. Tổng quát:*

- Bệnh tỉnh, tiếp xúc tốt.
- Thể trạng trung bình.
- Sinh hiệu: huyết áp: 100/60 mmHg, mạch: 130 lần/ phút.
- Niêm mạc mắt hồng.
- Hạch ngoại vi không sờ chạm.



# I. BỆNH ÁN

- Tim đều.
- Phổi trong.
- Bụng mềm.
- Thần kinh, cơ xương khớp: chưa phát hiện bất thường.
- Có nhiều vết loét ở môi, lưỡi, vết loét đau, bờ rõ, đk# 1- 2mm, nền trắng, viền đỏ.



# I. BỆNH ÁN

## *b. Khám chuyên khoa:*

- Âm hộ có vết loét, hình tròn, đk # 2-3mm, bờ rõ, nền trắng, viền đỏ.
- Âm đạo: ít khí hư đục, thành trái âm đạo có vết loét có giả mạc, kt # 2 x 5mm.
- Cổ tử cung lộ tuyến, có dây vòng.
- 2 phần phụ không sờ chạm.

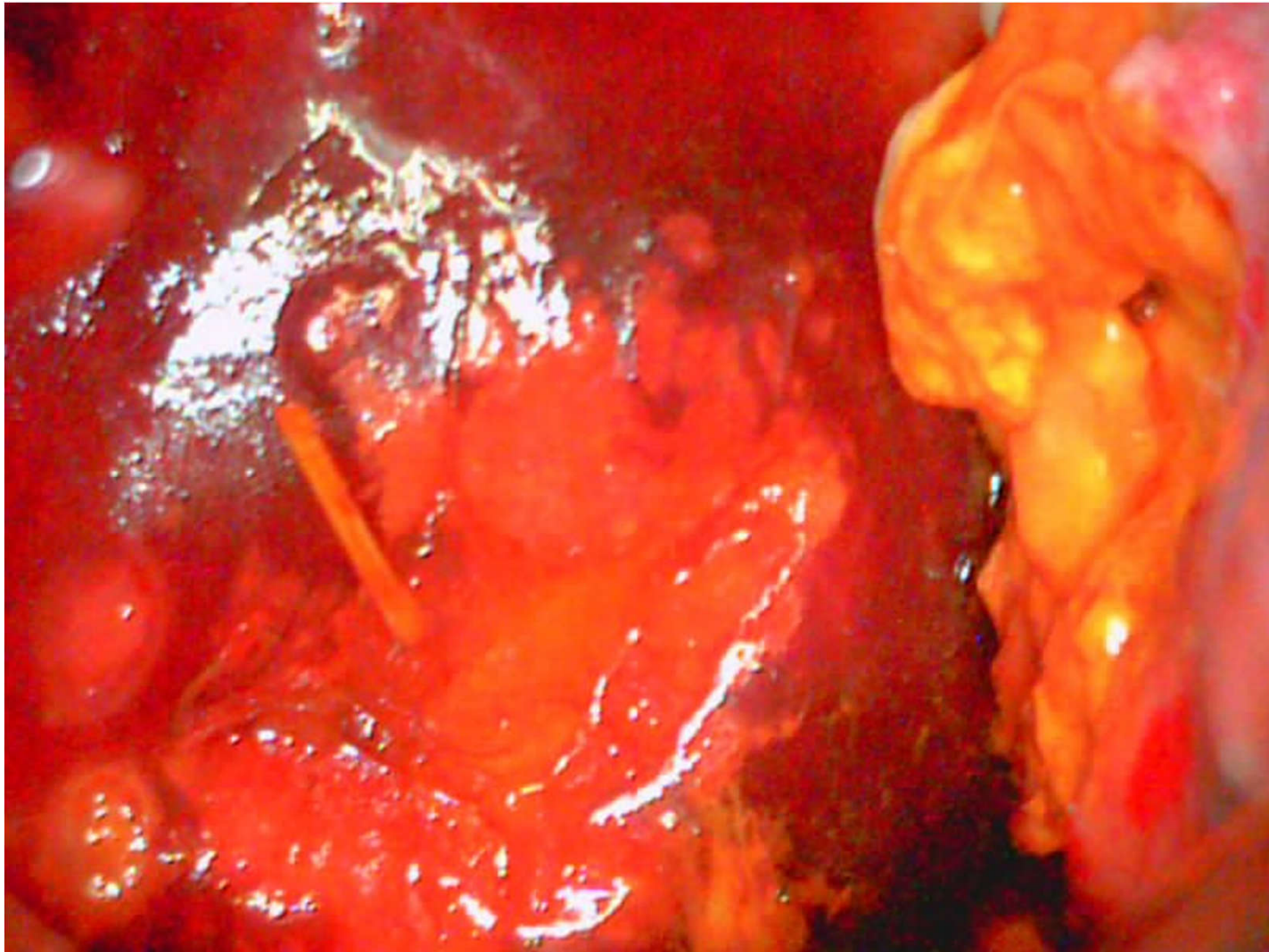


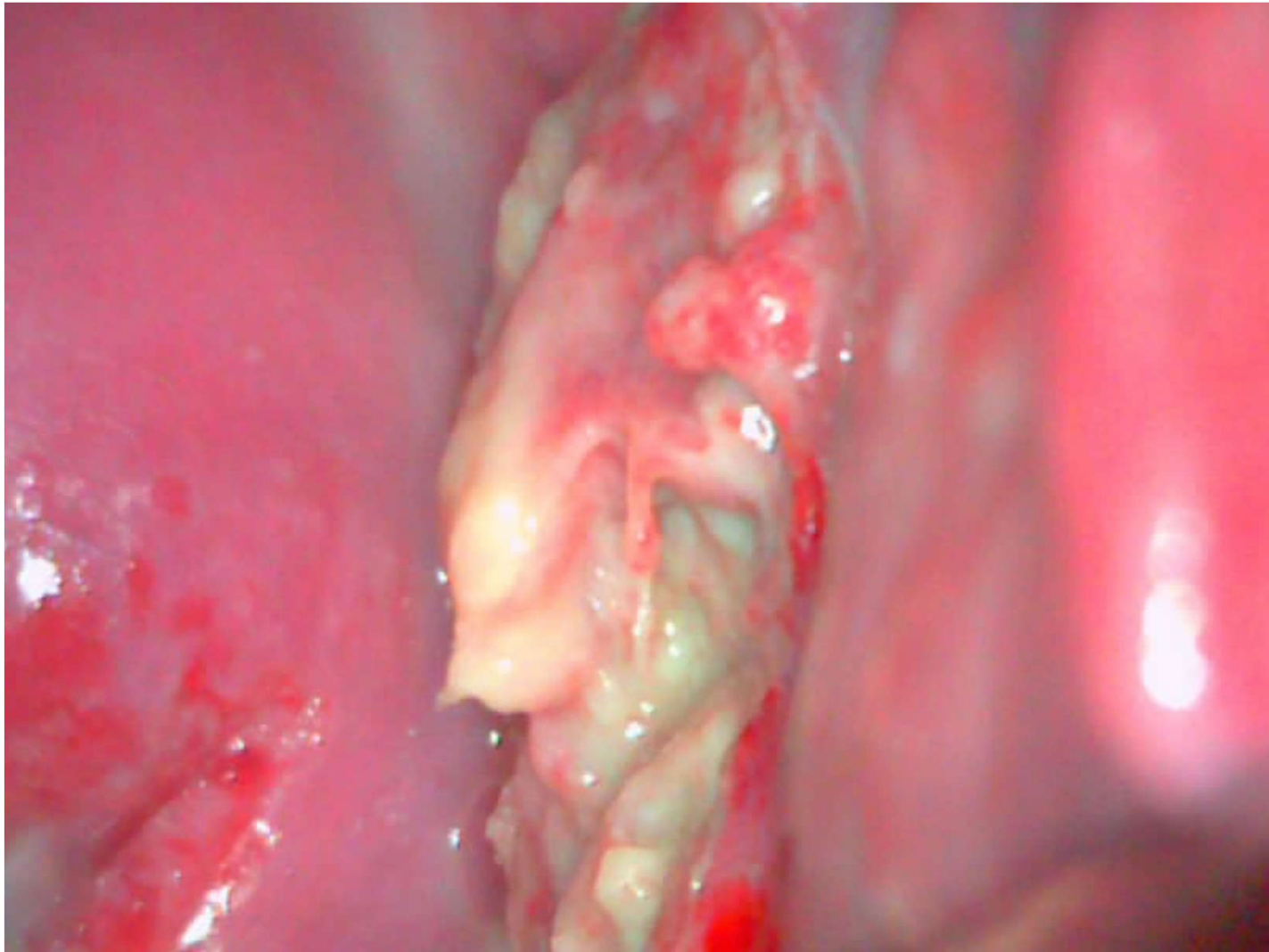














CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
 KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
 Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
 254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
 Tel: (028) 3927 0284 (Đt: 1134) - Fax: (028) 3927 1224  
 Email: admin@medic-lab.com  
 www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: ██████████ S.T.T: 235  
 Ngày ĐK: 29/11/17 Giờ lấy mẫu: 04:53:30  
 Giờ ĐK: 04:46:47 Giờ in lần 1: 14:41:00

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
 (BM.TTXN.XN.02.1 - Phiên bản: 2.0)


Họ tên: ██████████ Năm sinh: 19███ Phái: Nữ ĐT: ██████████  
 Đơn vị: Medic Bác sĩ chỉ định: ██████████  
 Địa chỉ: ██████████ Loại mẫu: Máu - Nước tiểu

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
<b>NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)</b>		
WBC	<u>15.91 H</u>	(4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L
% Neu	81.2	(40 - 74 %)
% Lym	9.2	( 19 - 48 %)
% Mono	7.70	( 3 - 9 %)
% Eos	1.7	( 0 - 7 %)
% Baso	0.2	( 0 - 1.5 %)
# Neu	<u>12.92 H</u>	(1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L
# Lym	1.47	(1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L
# Mono	<u>1.22 H</u>	(0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L
# Eos	0.26	(0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L
# Baso	0.04	(0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L
RBC	4.58	(3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L
Hb	12.5	(12 - 18 g/dL)
Hct	39.0	(35 - 52 %)
MCV	85.3	(80 - 97 fL)
MCH	27.3	(26 - 32 pg)
MCHC	32.0	(31 - 36 g/dL)
RDW	13.8	(11.0 - 15.7%)
PLT	278	(130 - 400)10 <sup>9</sup> /L
MPV	6.9	(6.30 - 12.0 fL)
URINARY ANALYSIS(TỔNG PTNT):	*	
( Chemistry + Urine Sediment )	*	
1)Chemistry (Sinh Hóa) :	*	
Glucose	NEG	mmol/L
Bilirubin	NEG	μmol/L
Ketone	NEG	mmol/L
Spe-Gravity	1.022	(1.005-1.030)
Blood	<u>POS</u>	(NEG)

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
 - 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
 - 130 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch.  
 Ngày áp dụng: 06/02/2017

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189 : 2012  
 Lấy máu tại nhà: 0935 365 116 H: HỒ THẠCH ANH/3




**CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO**  
**PHÒNG KHÁM ĐA KHOA**  
**KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)**  
 Hotline: (028) 3834 9593 - 1980 6497  
 254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
 Tel: (028) 3927 0284 (EML: 1134) - Fax: (028) 3927 1224  
 Email: admin@medic-lab.com  
 www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: 4652063 S.T.T: 235  
 Ngày ĐK: 20/11/11 Giờ lấy mẫu: 04:53:34  
 Giờ ĐK: 04:46:47 Giờ in lần 1: 14:41:02

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
 (BM.TTXN.XN.02.1 - Phiên bản: 2.0)

Họ tên: [REDACTED] Năm sinh: [REDACTED] Giới: Nữ DT: [REDACTED]  
 Đơn vị: Medic Bác sĩ chỉ định: [REDACTED]  
 Địa chỉ: [REDACTED] Loại mẫu: Máu - Nước tiểu

TEN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
pH	5.5	(4.6-8.0)
Protein	0.3	g/L
Urobilinogen	NEG	μmol/L
Nitrite	NEG	(NEG)
Leucocytes	<b>POS</b>	(NEG)
Color	Yellow	
Clarity	Turbid	
<b>2) Urine Sediment (Cặn Lắng):</b>		particles/μL
Red Blood Cells	<b>521 H</b>	(0 - 15)
Leucocytes	<b>4543 H</b>	(0 - 15)
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)
Uric acid	0	(0 - 6)
Casts	0	(0 - 6)
Epithelial Cells	<b>149 H</b>	(0 - 10)
Bacteria	<b>622 H</b>	(0 - 130)
IONOGRAMME:	*	
Na	133.3	(130 - 145 mmol/L)
K	3.77	(3.40 - 5.1 mmol/L)
Ca	2.25	(2.1 - 2.80 mmol/L)
Cl	98.91	(96 - 108 mmol/L)
Urea/ Serum <sup>1</sup>	18.01	(15 - 49 mg/dL)
Glucose (FPG) <sup>1</sup>	<b>6.16 H</b>	(3.90 - 5.90 mmol/L)
GGT <sup>1</sup>	25.66	(M<55 U/L, F<36 U/L)
SGOT (AST) <sup>1</sup>	12.19	(< 35U/L)
SGPT (ALT)	12.28	(3 - 30 U/L)
Uric Acid/Serum	4.56	(M : 3.4-7.0; F : 2.4-5.7mg/dL)
hs CRP	<b>61.65 H</b>	(< 5 mg/L)

**THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:**  
 - 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
 - 130 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch.

Ngày áp dụng: 06/02/2017

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189 : 2012  
 Lấy máu tại nhà: 0935 365 116 H: Hiếm trang 2/3



**CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO**  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 9927 0284/Ext: 1340 - Fax: (028) 9927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: [REDACTED]  
Ngày ĐK: 29/11/17  
Giờ ĐK: 04:46:47

S.T.T: 235  
Giờ lấy máu: 04:53:34  
Giờ in lần 1: 14:41:02

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(BM.TTXN.XN.02.1 - Phiên bản: 2.0)

Họ tên: [REDACTED] Năm sinh: 1977 Phái: Nữ ĐT: [REDACTED]  
Đơn vị: Medic Bác sĩ chỉ định: [REDACTED]  
Địa chỉ: [REDACTED] Loại mẫu: Máu - Nước tiểu

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
Độ Lọc Cầu Thận (eGFR)	*	
Creatinin/Serum	0.580	(M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL)
MDRD - 4	128	(60 - 130 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> )
HIV Ag/Ab Combo	NEG S/CO 0.320	(S/Co < 1)
TSH u.sensitive (3rd G)	2.86	(0.32 - 5 µIU/ml)
Free T4	1.27	(0.71 - 1.85 ng/dl)
HBsAg (Định tính, qualitative)	NEG S/CO 0.589	(Index < 1; S/Co < 1)
Anti HBs (Định lượng, quantitative)	92.87 H	(≥ 10 mIU/mL)
Anti HCV (Định tính, qualitative)	NEG S/CO 0.032	(S/Co < 1; Index < 1)
Syphilis (Siemens)	NEG Index < 0.100	(Index < 1.0)
Ferritin'	154.1	(M: 22-400, F: 4.6-291 ng/ml)
HSV 1,2 IgG (Elisa)	POS 573.9 U/mL	(< 20; GZ: 20 - 30 U/mL)
HSV 1,2 IgM (Elisa)	NEG < 10 U/mL	(< 20; GZ: 20 - 30 U/mL)

Ngày: 29/11/17  
Khoa Xét nghiệm  
*BS. Nguyễn Bảo Toàn*

**THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:**  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 130 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189 - 2012  
Lấy máu tại nhà: 0935 365 116 H. HỒ SỔ TRẮNG 2/3



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (028) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (028) 3927 0284-11341; Fax: (028) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

PID: [REDACTED]  
Ngày ĐK: 29/11/17  
Giờ ĐK: 08:06:19

S.T.T: 1181  
Giờ lấy mẫu: 08:35:57  
Giờ in lần 1: 14:39:48

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(B.M.TTXN.XN.02.1 - Phiên bản: 2.0)

Họ tên: **ĐÀ MỸ HUYỀN** Năm sinh: **1992** Phái: **Nữ** ĐT: **0915 655 777**  
Đơn vị: **Medic** Bác sĩ chỉ định: **[REDACTED]** Loại mẫu: **Máu**  
Địa chỉ: **[REDACTED]**

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
BetaHCG/Blood	<2.00	(< 25 mIU/mL)
Chlamydia trachomatis IgG (Elisa)	NEG 6.6 U/mL	(< 10; GZ: 10 - 15 U/mL)
Chlamydia trachomatis IgM (Elisa)	NEG <5 U/mL	(< 10; GZ: 10 - 14 U/mL)
C. Trachomatis PCR	Negative	
N. Gonorrhoea PCR	Negative	
<b>* Soi tươi nhuộm dịch âm đạo</b>		
1. Soi tươi		
Nấm (candida albicans)	NEG	NEG
Trichomonas vaginalis	NEG	NEG
Bạch cầu	(+)	(≤ 1+)
Tạp trùng	(+)	(≤ 1+)
2. Nhuộm GRAM		
Cầu trùng gram (+)	NEG	NEG
Trực trùng gram (-)	(+)	NEG
Song cầu gram (-)	NEG	NEG
Gardnerella Vaginalis (clue cells)	NEG	NEG

Ngày: 29/11/17  
Khoa Xét nghiệm

*Trần*  
BS. Nguyễn Bảo Toàn

Ngày áp dụng: 06/02/2017

**THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:**  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 130 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch.

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189 : 2012  
Lấy mẫu tại nhà: 0935 365 116

Số trang: 1/1  
H: High - E: Low



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA BÌNH  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP.HCM  
Email : ttmedic@hcm.vnn.vn ; Website : www.hcm.vnn.vn  
Khoa : SIÊU ÂM TỔNG QUÁT - Phòng 2

### KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU

ID : ████████ Ngày ĐK: 29/11/2017 06:29 Máy: TOSHIBA NEMIO XG  
Họ và tên : **ĐỖ THỊ HOÀI AN** 24 tuổi Nữ  
Địa chỉ : kp. Trung tâm y. d. h. v. a. n. h. m. c. m. h. c. m.  
Lâm sàng : KIỂM TRA TỔNG QUÁT.  
Bác sĩ chỉ định : PHẢI. BV chỉ định : MD.

#### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, không sang thương khu trú. Tĩnh mạch cửa không giãn, dòng chảy hướng gan, vận tốc trong giới hạn bình thường.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- THẬN P: không sỏi, không ứ nước. THẬN T: không sỏi, không ứ nước.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướng, vách mỏng.
- TỬ CUNG: đồng dạng, LỒNG CỐ VÒNG TRÁNH THAI ĐÚNG VỊ TRÍ. BUỒNG TRỨNG(P)(T): không u.
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Ascites (-). Không hạch ổ bụng.
- Không tràn dịch màng phổi.



**KẾT LUẬN :** SIÊU ÂM BỤNG CHƯA THẤY BẤT THƯỜNG.

**Đề nghị :**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29/11/2017 06:32

  
BS. PHẠM MINH TUẤN



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA (Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)

## PHIẾU CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH

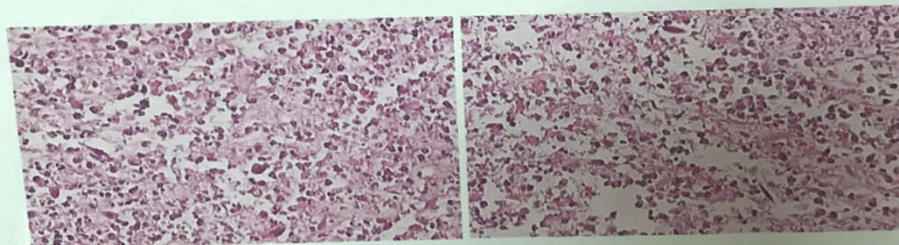
ID : H2017019326

Bệnh nhân : **ĐỖ THỊ HƯƠNG**  
Năm sinh : **1993** Nam  Nữ   
Địa chỉ : **.....**  
Bác sĩ Chỉ định : **BS SI PHÁT** Bệnh viện : **Cty TNHHYT Hòa Hảo. PK**  
Lâm sàng : **S. thiết vết loét**

GPB ĐẠI THỂ : **Mô vụn**

GPB VI THỂ :  
**Mẫu thử nhỏ, gồm các mảnh mô hoại tử, có thấm nhập nhiều Limphô bào, bạch cầu đa nhân.**

**KẾT LUẬN: MÔ VIÊM MẠN TÍNH VÀ HOẠI TỬ**



TP Hồ Chí Minh, ngày 30 / 11 / 2017



**CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO**  
**PHÒNG KHÁM ĐA KHOA**  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
**254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh**  
ĐT: 84.28.39270284 – Fax: 84.28.39272543

\*4653963\*

**KHOA CHUYÊN KHOA DA**

**Phòng : 1 ( lầu 2 - khu C)**

Ngày ĐK : 29/11/2017 08:14

### **ĐƠN THUỐC**

Họ Tên : **ĐỖ THỊ HỒNG**

Tuổi : **24 – Nữ**

Địa Chỉ : **[REDACTED]**

ĐT : **0911385617**

Số Thẻ Bảo Hiểm Y Tế (nếu có) :

Chẩn Đoán : **APTHTE**

#### **Thuốc Điều Trị :**

- 1. Medrol 16 mg** **07 Viên**  
(Methylprednisolone 16 mg)  
Ngày uống 01 lần, lần 1/2 viên (sau ăn sáng)
- 2. Colchicin 1 mg** **15 Viên**  
(Colchicin 1 mg)  
Ngày uống 01 lần, lần 01 viên
- 3. Esocon 20mg** **15 Viên**  
(Esomeprazole)  
Ngày uống 01 lần, lần 01 viên (30 phút trước ăn sáng)
- 4. Doxycycline 100mg** **30 Viên**  
(Doxycycline 100mg)  
Ngày uống 02 lần, lần 01 viên (sau ăn)
- 5. MILIAN** **01 Chai**  
(Blue methylene)  
Ngày thoa 02 lần, lần 01 thoa

LỜI DẶN BS  
TÁI KHÁM THỨ 4,6,CN

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 08:14  
Bác sỹ khám bệnh

Cong ty  
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
Khám chữa bệnh



## II. BÀN LUẬN

### 1. Đại cương:

- Loét aphthe không rõ nguyên nhân, thường xảy ra ở miệng hầu, ít gặp hơn ở đường tiêu hóa, hậu môn sinh dục, đặc trưng bởi loét đau, bờ rõ, nền trắng, viền đỏ.
- Tiến triển bệnh có thể khỏi tự nhiên và cho đến nay chưa có biện pháp điều trị đặc hiệu. Mục đích điều trị: giảm đau, nhanh lành sẹo và giảm tình trạng tái phát.



## II. BÀN LUẬN

- Dịch tễ học: tỷ lệ 15-20% dân số. Khởi bệnh ở tuổi 20. Nữ mắc bệnh nhiều hơn nam.

### 2. Nguyên nhân:

- Chưa được biết rõ, nhiều tác giả cho rằng đây là một rối loạn qua trung gian tế bào T.

### 3. Yếu tố nguy cơ:

- Chấn thương, stress, thiếu hụt các yếu tố như sắt, vitamin B12, folate, rối loạn nội tiết, nhiễm trùng, dị ứng thức ăn, gen, HIV.



## II. BÀN LUẬN

### 4. Lâm sàng: có 4 dạng:

#### 4.1. *Thể thông thường*: thường gặp nhất

- Thương tổn cơ bản lúc đầu là dát đỏ, sau đó loét hình tròn hoặc hình elip, nông, đáy vàng, bề mặt có lớp giả mạc trắng ngà, bờ đều, giới hạn rõ, xung quanh là quầng đỏ. Kích thước thường  $< 5\text{mm}$ . Tổn thương rất đau. Bệnh thường lành không để lại sẹo trong 1- 2 tuần.



## II. BÀN LUẬN

- Vị trí thường gặp: niêm mạc môi, mặt dưới lưỡi, sàn miệng, khẩu cái mềm.

### 4.2. Thể không loét:

- Thương tổn là những kích thước từ 1- 3cm, sâu, có thể diễn tiến đến 6 tuần và khi lành có thể để lại sẹo. Thường kèm theo sốt, mệt mỏi.



## II. BÀN LUẬN

### 4.3. *Dạng herpes*: hiếm gặp

- Thương tổn gồm nhiều vết loét nhỏ, đau tương tự như nhiễm herpes. Số lượng thương tổn có thể lên đến 100.

### 4.4. *Aphthe trong bệnh lý toàn thân*:

- Bệnh nhân có sự hiện diện gần như liên tục > 3 thương tổn ở niêm mạc miệng hoặc miệng và bộ phận sinh dục.



## II. BÀN LUẬN

### 5. Cận lâm sàng:

- Giải phẫu bệnh: tâm nhuận bạch cầu đa nhân trung tính quanh mạch máu dưới lớp sừng, phản ứng viêm cấp tính và mạn tính của lớp màng fibrin.



## II. BÀN LUẬN

### 6. Nguyên tắc điều trị:

- Điều trị phù hợp từng dạng lâm sàng.
- Điều trị bệnh lý toàn thân ( nếu có )
- Điều trị triệu chứng.
- Giảm tái phát.
- Tại chỗ: corticoid bôi.
- Toàn thân: corticoid, colchicine.



## II. BÀN LUẬN

### 7. Phòng ngừa:

- Tránh chấn thương vùng miệng.
- Vệ sinh răng miệng sạch sẽ
- Điều trị các ổ nhiễm khuẩn vùng răng miệng
- Tránh ăn các thức ăn cứng, cay, nóng
- Tránh các stress về tâm lý
- Điều trị tích cực các bệnh kèm theo.



# Tài liệu tham khảo

- <https://bvnguyentriphuong.com.vn/benh-hoc-da/benh-aphte-ap-to>
- <https://dalieu.vn/loet-ap-to-aphthous-stomatitis-5006.html>